

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh 24 triệu đồng/người/tháng, cấp cơ sở 16,8 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao: Thư ký khoa học bằng 0,3 lần mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thành viên chính bằng 0,8 lần mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thành viên bằng 0,4 lần mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ bằng 0,2 lần mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

2. Chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước: Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước bằng 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước: Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước bằng 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có): Chi theo thực tế, thanh toán có chứng từ, hóa đơn theo quy định. Việc mua sắm phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và trong phạm vi dự toán hàng năm. Trong đó:

a) Việc quản lý và sử dụng kinh phí mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản từ ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành.

b) Việc quản lý, thanh toán kinh phí thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

* Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi hội thảo	1.000	800
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	300	180
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	1.350	790

4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	660	400
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	thành viên/ buổi	130	80

5. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

6. Chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi bằng 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

7. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không quá 60 triệu đồng/nhiệm vụ.

8. Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): Thực hiện theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 3. Nội dung và mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi			
			Hội đồng cấp tỉnh		Hội đồng cấp cơ sở	
			Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Đề án khoa học cấp tỉnh; Đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.	Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.	Đề tài khoa học và công nghệ	Dự án khoa học và công nghệ

1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ					
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng				
	Chủ tịch hội đồng		660	570	390	340
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		530	440	310	270
	Thư ký khoa học		180	150	100	90
	Thư ký hành chính		180	150	100	90
	Đại biểu được mời tham dự		120	100	70	60
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá				
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200	180	110	100
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		330	280	200	170
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ				
	Chủ tịch hội đồng		420	350	250	210
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		300	250	180	150
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ					
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng				
	Chủ tịch hội đồng		1.000	830	600	500
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		660	550	400	330
	Thư ký khoa học		180	150	100	90
	Thư ký hành chính		180	150	100	90
	Đại biểu được mời tham dự		120	100	70	60
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá				
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		330	270	200	170
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		470	390	280	220
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ					
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ				
	Chủ tịch hội đồng		1.000	830	600	490

	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		660	550	400	330
	Thư ký khoa học		180	150	100	90
	Thư ký hành chính		180	150	100	90
	Đại biểu được mời tham dự		120	100	70	60
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá				
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		330	280	200	170
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		460	380	280	230
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng.	Chuyên gia	900	750	540	450

b) Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác (nếu có): bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi			
			Hội đồng cấp tỉnh		Hội đồng cấp cơ sở	
			Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh; chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Đề án khoa học cấp tỉnh; Đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.	Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.	Đề tài khoa học và công nghệ	Dự án khoa học và công nghệ
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	460	380	280	230
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	330	280	200	170
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	180	150	100	90
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	120	100	70	60

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được thực hiện trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự

toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

6. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có): Thực hiện theo quy định đối với chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 4 Điều 2 Quy định này.

7. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật./.
